|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn  15/04/2024 | Ngày dạy | Lớp | Tiết | Lớp | Tiết |
| 25/04/2024 | 7A | 5 | 7B | 4 |
| 26/04/2024 | 3 | 2 |

**BÀI 32: KHÁI QUÁT VỀ SINH SẢN VÀ SINH SẢN VÔ TÍNH Ở SINH VẬT**

Môn học: KHTN - Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 02 tiết ( 127-128)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật.

- Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.

- Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật, lấy được ví dụ minh họa.

- Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.

- Trình bày được các ứng dụng sinh sản vô tính vào thực tiễn (Nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

***-* Tự chủ và tự học:**Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu khái niệm sinh sản, sinh sản vô tính ở sinh vật.

***-* Giao tiếp và hợp tác:**Thảo luận nhóm để tìm ra khái niệm, đặc điểm và nêu ví dụ về các hình thức sinh sản của động vật, hợp tác trong thực hiện hoạt động sắp xếp các loài thực vật vào hình thức sinh sản vô tính của thực vật thích hợp.

***-* Giải quyết vấn đề sáng tạo:** Giải quyết vấn đề trong thực hiện giải thích ứng dụng sinh sản vô tính ở thực vật và động vật.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

***-* Nhận biết khoa học tự nhiên:**Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật. Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.

***-* Tìm hiểu tự nhiên:**Lấy được ví dụ minh họa đối với các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật và sinh sản vô tính ở động vật.

***-* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**Trình bày được các phương pháp ứng dụng sinh sản vô tính trong thực tiễn. Thực hiện quan sát cành hoa hồng hoặc hoa mười giờ sau khi vùi xuống đất một thời gian sẽ thấy hiện tượng gì.

**3. Phẩm chất**

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về ứng dụng sinh sản vô tính của sinh vật.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ tìm tòi hoàn thành nhiệm vụ cá nhân để hoàn thành bảng 32.1 SGK.

- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thảo luận vào bảng sau khi đã thảo luận.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

-Hình ảnh sự sinh sản cây thuốc bỏng, gà trống, gà mái, người.

- Hình 32.1; 32.2; 32.3 SGK.

- Phiếu học tập.

- SGV, SGK, SBT.

**2. Học sinh:**

-Bài cũ ở nhà.

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)**

**a) Mục tiêu:**

- Xác định được vấn đề học tập là tìm hiểu khái niệm sinh sản, sinh sản vô tính ở sinh vật, vai trò và ứng dụng.

**b) Nội dung:**

- HS trả lời câu hỏi phát hiện ra vấn đề học tập của bài học.

**c) Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS.

*- Các sinh vật duy trì nòi giống bằng cách: sinh sản (đẻ con, đẻ trứng,…).*

*- Ví dụ: con mèo đẻ con, con gà đẻ trứng,…*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Cho biết các sinh vật duy trì nòi giống bằng cách nào? Lấy ví dụ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS nêu ý kiến.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên HS trình bày đáp án. GV liệt kê các đáp án của HS trên bảng.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá:  - GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: *“Sinh vật duy trì nòi giống bằng cách sinh sản, có những cách sinh sản nào của sinh vật*. *Để trả lời các câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay”.* | - Các câu trả lời của HS. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về khái niệm sinh sản**

**a) Mục tiêu:**

- Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật.

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi – đáp, yêu cầu HS quan sát hình ảnh, kết hợp với thông tin SGK để tìm hiểu về khái niệm sinh sản.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

*1. Kết quả của sinh sản: Tạo ra những cá thể mới, làm tăng số lượng cá thể của loài.*

*- Ý nghĩa của sinh sản: Bảo đảm sự phát triển kế tục của loài.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu HS quan sát hình 32.1 kết hợp nghiên cứu SGK cho biết kết quả và ý nghĩa của quá trình sinh sản. Từ đó nêu khái niệm sinh sản.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS quan sát H32.1 nêu kết quả và ý nghĩa của quá trình sinh sản, từ đó nêu khái niệm sinh sản.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên HS trình bày đáp án. GV liệt kê các đáp án của HS trên bảng.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét và kết luận nội dung khái niệm sinh sản. | **I. Khái niệm sinh sản**  - Sinh sản là quá trình tạo ra những cá thể mới bảo đảm sự phát triển kế tục của loài.  - Có hai hình thức sinh sản: sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu khái niệm sinh sản vô tính, sinh sản vô tính ở thực vật và động vật.**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.

- Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh họa.

- Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa.

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi – đáp, yêu cầu HS quan sát hình ảnh, kết hợp với thông tin SGK, hoạt động cặp đôi để tìm hiểu về sinh sản vô tính ở thực vật.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

*1. Sinh sản ở cây dương xỉ: sinh sản vô tính bằng bào tử.*

*- Sinh sản ở cây gừng: sinh sản vô tính bằng cơ quan sinh dưỡng (sinh sản sinh dưỡng)*

*- Sinh sản sinh dưỡng là sự hình thành cây con được hình thành từ cơ quan sinh dưỡng (lá, thân, rễ)*

*- Sinh sản bằng bào tử: cây rêu, địa tiền (thuộc họ rêu)*

*cây dương xỉ, bèo tổ ong, rau bợ (thuộc họ quyết)…*

*Sinh sản sinh dưỡng: khoai lang, khoai tây, trầu không, rau má, gừng, cây thuốc bỏng, cỏ gấu, cỏ tranh, lục bình, cây hoa đá…*

- Đáp án phiếu học tập số 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí so sánh** | **Hình thức sinh sản vô tính** | | |
| **Nảy chồi** | **Trinh sản** | **Phân mảnh** |
| Khái niệm | - Từ cơ thể mẹ nảy ra một cái chồi. Chồi này phát triển thành cá thể mới. | Trứng không thụ tinh mà phát triển thành cá thể mới. | - Cá thể mới được sinh ra từ một mảnh của cơ thể mẹ. |
| Đặc điểm | - Lúc đầu, cá thể mới phát triển gắn liền với sinh vật mẹ. Sau khi trưởng thành, mới tách hẳn khỏi cơ thể mẹ.  - Cá thể mới có vật chất di truyền giống cơ thể mẹ. | - Cá thể mới luôn là giống đực.  - Cá thể mới có vật chất di truyền khác cơ thể mẹ. | - Từ một mảnh khuyết thiếu từ mẹ sẽ phát triển đầy đủ thành một cá thể mới hoàn thiện.  - Cá thể mới có vật chất di truyền giống cơ thể mẹ. |
| Ví dụ | Ruột khoang như: Thủy tức | Chân khớp như: Ong, kiến, rệp. | Đỉa, sao biển, giun dẹp |

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức** |
| **Hoạt động 2.2.1: Tìm hiểu sinh sản vô tính ở thực vật** | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV chiếu hình ảnh sinh sản bằng bào tử của cây dương xỉ và sinh sản sinh dưỡng của cây gừng. Yêu cầu HS quan sát hình ảnh kết hợp nghiên cứu SGK, nêu hình thức sinh sản của dương xỉ và gừng.  Từ đó trả lời câu hỏi:  *+ Ở thực vật có các hình thức sinh sản vô tính nào.*  - GV cho các loài thực vật: cây rêu, địa tiền (thuộc họ rêu), cây dương xỉ, bèo tổ ong, rau bợ (thuộc họ quyết), khoai lang, khoai tây, trầu không, rau má, gừng, cây thuốc bỏng, cỏ gấu, cỏ tranh, lục bình, cây hoa đá… Yêu cầu HS cá nhân nghiên cứu sau đó thảo luận nhóm 2 bạn/nhóm sắp xếp các loài thực vật trên thành 2 nhóm sinh sản bằng bào tử và sinh sản sinh dưỡng.  - GV yêu cầu các nhóm dựa vào kết quả bài tập trên kết hợp quan sát H32.2 trả lời câu hỏi:  *+ Phân biệt các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật.*  *+ Lấy ví dụ về các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS cá nhân quan sát hình ảnh kết hợp nghiên cứu SGK, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi đại diện một số nhóm trình bày đáp án.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV yêu cầu HS về nhà thực hiện: *Quan sát vết cắt đoạn thân cây hoa hồng (hoặc hoa mười giờ,…) đã được cắm trong cát ẩm sau ba tuần và mô tả những gì quan sát được. Đoạn thân cây hoa hồng này có thể phát triển thành cây mới được không? Vì sao?*  Hướng dẫn:  - Sau một thời gian đoạn thân cây hoa hồng này nảy chồi, mọc rễ ở các mấu thân.  - Đoạn thân này có thể phát triển thành cây mới vì đã có đủ rễ và chồi. | **II. Khái niệm sinh sản vô tính**  - Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản không có sự kết hợp yếu tố đực và yếu tố cái.  **1. Sinh sản vô tính ở thực vật**  - Thực vật có hai hình thức sinh sản vô tính là: sinh sản bằng bào tử, sinh sản sinh dưỡng. Sinh sản sinh dưỡng là sự hình thành cây mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng. |
| **Hoạt động 2.2.2: Tìm hiểu sinh sản vô tính ở động vật** | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu HS quan sát H 32.3 trả lời câu hỏi:  *+ Kể tên các hình thức sinh sản vô tính ở động vật.*  - GV yêu cầu HS cá nhân nghiên cứu SGK kết hợp quan sát hình ảnh 32.3, thảo luận nhóm (2 bàn/nhóm) trong 5 phút hoàn thành phiếu học tập số 1 (bảng 32.1) *(Phiếu học tập ở phần hồ sơ học tập).*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS quan sát H 32.3 kể tên các hình thức sinh sản vô tính ở động vật: Nảy chồi, trinh sản, phân mảnh.  - HS cá nhân nghiên cứu SGK thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi đại diện từng nhóm báo cáo kết quả.  - Các nhóm khác lắng nghe.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận.  - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu ong thợ và ong chúa được sinh ra như thế nào và vì sao chúng khác nhau về hình thái, vai trò của đàn ong. | **2. Sinh sản vô tính ở động vật**  - Động vật có các hình thức sinh sản vô tính là: nảy chồi, phân mảnh và trinh sản.  Các hình thức:  + Nảy chồi: Từ cơ thể mẹ nảy ra một cái chồi. Chồi này phát triển thành cá thể mới.  + Phân mảnh: Trứng không thụ tinh mà phát triển thành cá thể mới.  + Trinh sản: Cá thể mới được sinh ra từ một mảnh của cơ thể mẹ. |

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu vai trò và ứng dụng của sinh sản vô tính trong thực tiễn**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.

- Trình bày được các ứng dụng sinh sản vô tính vào thực tiễn (Nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, đọc thông tin SGK, quan sát hình ảnh và trả lời các câu hỏi để tìm hiểu về vai trò và ứng dụng của sinh sản vô tính trong thực tiễn.

**c) Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS.

*- Bằng cách sinh sản vô tính, một sinh vật tạo ra một bản sao di truyền giống hệt hoặc giống hệt nhau. Từ đó duy trì được các đặc điểm của sinh vật. Ví dụ : nuôi cấy mô cây phong lan, sâm ngọc linh,*

*- Các biện pháp nhân giống vô tính ở thực vật và ví dụ:*

*+ Nuôi cấy mô: Cây phong lan, cây sâm ngọc linh,…*

*+ Giâm cành: cây rau muống, cây rau ngót, cây hoa hồng,…*

*+ Chiết cành: Cây cam, bưởi, táo,...*

*- Nuôi cấy mô là những biện pháp nhân nhanh giống cây trồng vì: Ở phương pháp này, từ một mẩu mô nhỏ của một cây mẹ có thể tạo ra hàng loạt cây con giống nhau và giống cây mẹ.*

*- Giâm cành, chiết cành là những biện pháp nhân nhanh giống cây trồng vì: Về bản chất, ở những phương pháp này, những cơ thể mới được sinh ra và phát triển từ những phần vốn dĩ đã có sự sống từ cây mẹ. Do đó, nếu sử dụng các biện pháp này sẽ rút ngắn được thời gian sinh trưởng của cây – cây nhanh cho thu hoạch hơn.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung kiến thức** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trả lời câu hỏi:  *+ Lấy ví dụ cho thấy sinh sản vô tính có vai trò quan trọng trong việc duy trì các đặc điểm của sinh vật.*  *+ Nêu các biện pháp nhân giống vô tính ở thực vật. Mỗi biện pháp lấy ví dụ 1 – 2 loài cây.*  *+ Quan sát hình 32.4, giải thích vì sao giâm cành, chiết cành, nuôi cấy mô là những biện pháp nhân nhanh giống cây trồng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS nghiên cứu SGK trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời câu hỏi.  - HS khác lắng nghe.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS nhận xét, bổ sung  - GV đánh giá, kết luận.  - GV yêu cầu HS đọc phần tìm hiểu thêm và em có biết SGK | **III. Vai trò và ứng dụng sinh sản vô tính trong thực tiễn.**  - Vai trò: Duy trì các đặc điểm của sinh vật  - Các phương pháp nhân giống vô tính:  + Nuôi cấy mô  + Giâm cành, chiết cành  → Góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế nông, lâm nghiệp. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập:**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức đã học về sinh sản và sinh sản vô tính ở sinh vật. Khắc sâu được mục tiêu bài học.

**b) Nội dung:**

- HS tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn?” trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Có mấy hình thức sinh sản ở sinh vật?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 2:** Các hình thức sinh sản của sinh vật là:

A. Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.

B. Sinh sản vô tính và sinh sản phân mảnh.

C. Sinh sản vô tính và sinh sản sinh dưỡng.

**Câu 3:** Sinh sản vô tính có đặc điểm gì?

A. Cơ thể con chỉ nhận được chất di truyền của mẹ nên giống nhau và giống mẹ.

B. Không có sự kết hợp giữa yếu tố đực và yếu tố cái.

C. Có sự kết hợp giữa yếu tố đực và yếu tố cái.

D. Cả A và C đều đúng.

**Câu 4:** Các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật là:

A. Nảy chồi và phân nhánh.

B. Sinh sản bằng bào tử và sinh sản sinh dưỡng.

C. Trinh sản và phân nhánh.

**Câu 5:** Các hình thức sinh sản vô tính ở động vật là?

A. Nảy chồi, phân mảnh và trinh sản.

B. Nảy chồi, sinh sản bằng bào tử và trinh sản.

C. Nảy chồi, phân mảnh và sinh sản bằng bào tử.

D. Nảy chồi, sinh sản bằng bào tử và sinh sản sinh dưỡng.

**c) Sản phẩm:**

-Đáp án câu hỏi 1.A 2.A 3.D 4.B 5.A.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV tổ chức trò chơi *“Ai nhanh hơn?”,* yêu cầu HS tham gia trả lời.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS tham gia trò chơi, trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - HS nhận xét.  - GV nhận xét, đưa ra kết quả. | - Các câu trả lời của HS. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng được kiến thức đã học về sinh sản vô tính ở sinh vật vào thực tiễn.

**b) Nội dung:**

- HS tham gia hoạt động kể tên nhanh một số loại rau, củ quả mà gia đình thường sử dụng bằng hình thức sinh sản sinh dưỡng.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

*1. Khoai lang, khoai tây, rau má, bưởi, cam, mía, bòng, rau muống, táo, gừng, rau ngót, chuối, …*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV sử dụng “kĩ thuật động não” yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi:  *1. Kể tên một số loại rau, củ quả mà gia đình thường sử dụng bằng hình thức sinh sản sinh dưỡng.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS sẽ có 2 phút chuẩn bị trước khi trả lời nhanh.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời câu hỏi, mỗi HS đưa ra 1 câu trả lời, câu trả lời sau không trùng với câu trả lời trước.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | - Các câu trả lời của HS. |

**IV. HỒ SƠ HỌC TẬP**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí so sánh** | **Hình thức sinh sản vô tính** | | |
| **Nảy chồi** | **Trinh sản** | **Phân mảnh** |
| Khái niệm |  |  |  |
| Đặc điểm |  |  |  |
| Ví dụ |  |  |  |